

Số: 02/CBTT-L18

“V/v: Báo cáo công bố thông tin”

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ đã được soát xét năm 2024 như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18

- Mã chứng khoán: L18
- Địa chỉ: Số 471, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02 435526925
- Email: donhung1986@gmail.com Website: www.licogi18.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét năm 2024:
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC giữa niên độ đã được soát xét năm 2024):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC giữa niên độ đã được soát xét năm 2024):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:



Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 27/08/2024 tại đường dẫn: www.licogi18.com.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong 06 tháng đầu năm 2024: Không có.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo TC.
- Giải trình CLLN sau thuế

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đỗ Thị Nhung

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18

Số 471 - đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (LICOGI 18) (gọi tắt là “Công ty”) là Doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng số 18 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 48/QĐ-BXD ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số doanh nghiệp 0800001612 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 22/03/2021 (Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh cũ số 0403000389 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 24/02/2006, khi chưa chuyển trụ sở từ Thành phố Hải Dương lên Thành phố Hà Nội).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Construction and Investment Joint Stock Company No 18.

Tên viết tắt: LICOGI - 18.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: L18

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 471 - đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Các Công ty con được hợp nhất:

Công ty	Ngành nghề	% Sở hữu (theo ĐKDN)	Quyền biểu quyết
Công ty CPĐT & XD số 18.1	Xây lắp	51%	51%
Công ty CPĐT & XD số 18.3	Xây lắp	51%	51%
Công ty CPĐT & XD số 18.5	Xây lắp	51%	51%
Công ty TNHH MTVĐT và Xây dựng số 18.6	Xây lắp	100%	100%
Công ty TNHH MTVĐT và Xây dựng số 18.8	Xây dựng, du lịch	100%	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Xuân Hưng	Chủ tịch
Ông Bùi Thanh Tuyên	Thành viên
Ông Trịnh Việt Dũng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Đặng Văn Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Chung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Thanh Tuyên	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Xinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (chuyển công tác từ 15/08/2024)
Ông Đặng Long Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thi	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Bá Thái

Trưởng ban

Ông Bùi Công Phách

Thành viên

Bà Thân Thị Len

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/04/2024)

Bà Nguyễn Ngọc Lan

Thành viên

Bà Bùi Thị Thuần

Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/04/2024)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc.



Bùi Thành Tuyên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2024

Số: 222/2024/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18, được lập ngày 23 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo soát xét số 467/BCKT-TC ngày 21/08/2023 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán số 161/BCKT-TC ngày 28/03/2024 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ số dư công nợ của Công ty CP Tập đoàn Phúc Sơn, vấn đề này không còn ảnh hưởng đến báo cáo ở kỳ hiện tại.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		4.483.061.384.763	5.048.539.209.002
I- Tiền	110	5.1	159.792.854.723	264.461.588.792
1. Tiền	111		140.406.854.723	259.175.588.792
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.386.000.000	5.286.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	45.140.000.000	45.140.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		45.140.000.000	45.140.000.000
III- Các khoản phải thu	130		1.249.338.572.813	1.344.374.525.834
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	895.843.399.178	1.093.240.724.357
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	358.071.761.181	241.840.308.171
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		14.847.240.000	5.166.040.000
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	155.424.755.675	107.831.328.921
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(174.848.583.221)	(103.703.875.615)
IV- Hàng tồn kho	140		2.982.710.837.346	3.323.119.384.690
1. Hàng tồn kho	141	5.7	2.982.710.837.346	3.323.119.384.690
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		46.079.119.881	71.443.709.686
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.016.615.382	1.099.451.396
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.834.018.499	70.344.258.290
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.9	228.486.000	-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		508.054.703.630	468.456.321.480
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		32.000.000	53.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	32.000.000	53.000.000
II- Tài sản cố định	220		342.859.907.780	340.133.342.338
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	325.077.800.071	327.532.147.869
- Nguyên giá	222		741.566.263.502	725.377.492.562
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(416.488.463.431)	(397.845.344.693)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.12	15.925.681.777	10.726.619.667
- Nguyên giá	225		18.670.733.500	12.398.357.574
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.745.051.723)	(1.671.737.907)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	1.856.425.932	1.874.574.802
- Nguyên giá	228		2.524.432.341	2.458.282.341
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(668.006.409)	(583.707.539)
III- Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240		1.716.447.413	4.088.890.492
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	1.716.447.413	4.088.890.492
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		127.457.841.758	100.911.399.990
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.14	66.040.523.490	63.832.947.437
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.14	30.355.000.000	2.655.000.000
4. Dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn	259	5.14	(5.207.681.732)	(1.846.547.447)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.2	36.270.000.000	36.270.000.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		35.988.506.679	23.269.688.660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	35.340.376.855	22.609.900.527
4. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	269		648.129.824	659.788.133
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		4.991.116.088.393	5.516.995.530.482

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		4.373.726.511.010	4.915.122.708.484
I- Nợ ngắn hạn	310		3.482.609.891.503	4.142.511.968.984
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	729.000.188.676	736.915.353.704
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	1.039.529.638.210	861.588.111.888
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.17	150.686.924.824	937.527.960.026
4. Phải trả người lao động	314		73.487.356.531	85.408.980.632
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	16.160.886.203	45.836.433.270
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.19	1.107.387.000	552.880.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	253.345.733.188	177.545.722.059
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.22	1.142.645.925.537	1.234.471.035.869
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.21	63.183.872.891	51.709.084.080
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		13.461.978.443	10.956.407.456
II- Nợ dài hạn	330		891.116.619.507	772.610.739.500
6. Phải trả dài hạn khác	337	5.20	220.000.000	820.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.22	828.340.380.776	714.278.581.246
11. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.21	62.556.238.731	57.512.158.254
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		617.389.577.383	601.872.821.998
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.23	617.389.577.383	601.872.821.998
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		381.165.280.000	381.165.280.000
- Cổ phiếu phổ thông biểu quyết	411a		381.165.280.000	381.165.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.355.118.182	14.355.118.182
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.569.728.476	38.103.819.305
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.239.634.581	46.754.015.854
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		44.322.048.961	4.691.923.910
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		20.917.585.620	42.062.091.944
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		118.059.816.144	121.494.588.657
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		4.991.116.088.393	5.516.995.530.482

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2024

Người lập

Lê Thị Lương Thu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Nhung

Tổng Giám đốc



Bùi Thanh Tuyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/06/2024	ngày 30/06/2023
			kết thúc	kết thúc
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.155.850.669.060	1.268.608.942.760
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	2.155.850.669.060	1.268.608.942.760
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.906.927.561.333	1.191.988.529.625
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		248.923.107.727	76.620.413.135
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	610.938.515	3.149.898.658
7. Chi phí tài chính	22	6.3	46.598.865.361	29.070.248.872
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>39.570.423.005</i>	<i>28.676.079.001</i>
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên danh liên kết	24		207.576.053	324.614.817
9. Chi phí bán hàng	25	6.4	18.228.558.197	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	119.679.880.214	35.364.864.992
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		65.234.318.523	15.659.812.746
12. Thu nhập khác	31	6.5	4.070.426.334	4.903.387.089
13. Chi phí khác	32	6.5	17.878.700.877	490.177.899
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(13.808.274.543)	4.413.209.190
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		51.426.043.980	20.073.021.936
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	23.991.665.299	4.959.745.322
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.6	11.658.309	11.658.309
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		27.422.720.372	15.101.618.305
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		20.917.585.620	9.006.658.173
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.505.134.752	6.094.960.132
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	549	204

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Lương Thu

Đỗ Thị Nhung

Bùi Thanh Tuyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/06/2024	ngày 30/06/2023
			kết thúc VND	kết thúc VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		51.426.043.980	20.073.021.936
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		18.865.599.427	20.427.227.567
- Các khoản dự phòng	03		84.581.671.563	3.544.054.325
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(610.938.515)	(3.149.898.658)
- Chi phí lãi vay	06		39.570.423.005	28.676.079.001
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		193.832.799.460	69.570.484.171
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(29.712.822.729)	(91.406.976.261)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		340.408.547.344	(376.676.711.905)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(527.932.069.139)	130.346.762.915
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12.647.640.314)	2.046.552.103
- Tiền lãi vay đã trả	14		(53.352.414.009)	(43.664.663.802)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.362.062.959)	(9.829.858.302)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.925.926	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.301.557.710)	(2.935.809.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(113.056.294.130)	(322.550.220.773)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.463.269.341)	(8.039.248.098)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.704.378.286
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.600.000.000)	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.848.919.835	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		246.665.782	2.241.994.167
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.967.683.724)	(34.092.875.645)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		7.350.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.652.955.546.359	1.222.049.620.288
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.627.315.486.111)	(973.803.030.805)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3.403.371.050)	(1.406.916.668)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.231.445.413)	(49.806.018.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.355.243.785	197.033.654.115
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(104.668.734.069)	(159.609.442.303)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	264.461.588.792	203.929.964.625
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	159.792.854.723	44.320.522.322

Người lập

Lê Thị Lương Thu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Nhung

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Bùi Thanh Tuyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (LICOGI 18) là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng số 18 thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 48/QĐ-BXD ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số doanh nghiệp 0800001612 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 22/03/2021 (Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh cũ số 0403000389 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 24/02/2006, khi chưa chuyển trụ sở từ Thành phố Hải Dương lên Thành phố Hà Nội).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Construction and Investment Joint Stock Company No 18, tên viết tắt: LICOGI - 18.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 22/03/2021 là 381.165.280.000 đồng. Sở hữu vốn trong Công ty:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Ông Bùi Thanh Tuyên	19.300.390	193.003.900.000	50,64%
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	3.441.390	34.413.900.000	9,03%
Các cổ đông khác	15.374.748	153.747.480.000	40,34%
Cộng	38.116.528	381.165.280.000	100,00 %

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: L18

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 471 - đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 1.537 người (tại ngày 31/12/2023 là 1.236 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;
 - Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Chi tiết: Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng, cốp pha định hình, giàn giáo, nhà công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
 - Thoát nước và xử lý nước thải;
 - Xây dựng nhà để ô; Xây dựng nhà không để ô;
 - Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình đường bộ;
 - Xây dựng công trình điện;
 - Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
 - Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ; Chi tiết: Phá hủy hoặc đập phá các tòa nhà và công trình khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường...

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

Công ty	Ngành nghề	% Sở hữu (theo ĐKKD)	Quyền biểu quyết
Công ty con			
Công ty CPĐT & XD số 18.1	Xây lắp	51,0%	51,0%
Công ty CPĐT & XD số 18.3	Xây lắp	51,0%	51,0%
Công ty CPĐT & XD số 18.5	Xây lắp	51,0%	51,0%
Công ty TNHH MTV ĐT và Xây dựng số 18.6	Xây lắp	100,0%	100,0%
Công ty TNHH MTV ĐT và Xây dựng số 18.8	Xây lắp	100,0%	100,0%
Công ty liên kết, liên doanh			
Công ty CPĐT & XD số 18.7	Xây lắp	36,65%	36,65%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi Hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết, đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ dụng cụ đã xuất dùng nhưng chưa phân bổ hết vào kết quả sản xuất kinh doanh và có thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> <u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	07 - 30
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Máy móc thiết bị	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty thương hiệu, nhãn hiệu tên thương mại và các phần mềm kế toán, website được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thương hiệu LICOGI được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm, phần mềm máy tính và website được khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả là chi phí lãi vay ngân hàng trích trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

- Dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp
- Dự phòng phải trả khác: khoản dự phòng phải trả đối với hợp đồng có rủi ro lớn mà trong đó những chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá những lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

1: 0
ÔNG
NH
MT
VIE
A N

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng và;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau: Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và quyền sở hữu đã được chuyển giao sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao vô điều kiện của các hợp đồng. Đối với việc chuyển giao có điều kiện, doanh thu chỉ được ghi nhận khi tất cả các điều kiện trọng yếu được thỏa mãn.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;

Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Doanh thu khác**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, các khoản chi phí tài chính khác...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường, và 10% với thu nhập từ Dự án nhà thu nhập thấp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây dựng, bất động sản, sản xuất bê tông, và các hoạt động kinh doanh, dịch vụ khác... hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.165.373.562	897.268.487
Tiền gửi ngân hàng	139.241.481.161	258.278.320.305
Các khoản tương đương tiền	19.386.000.000	5.286.000.000
Tổng	159.792.854.723	264.461.588.792

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.2 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	45.140.000.000	45.140.000.000	45.140.000.000	45.140.000.000
<i>Tiền gửi kỳ hạn 12 tháng tại:</i>				
Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Bắc Hải Dương	140.000.000	140.000.000	140.000.000	140.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hưng Yên	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Dài hạn	36.270.000.000	36.270.000.000	36.270.000.000	36.270.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hưng Yên	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
- Trái phiếu (*)	1.270.000.000	1.270.000.000	1.270.000.000	1.270.000.000
Tổng	81.410.000.000	81.410.000.000	81.410.000.000	81.410.000.000

(*) Khoản mua Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hạ Long ngày 26/9/2019, số lượng trái phiếu mua là 127 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 7,3%/năm. Ngày đáo hạn trái phiếu là 26/9/2029.

5.3 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	895.843.399.178	1.093.240.724.357
Công ty CP Tập đoàn ĐTPT Công nghiệp TTP (*)	163.321.194.067	163.321.194.067
Công ty TNHH Vật liệu mới HAIXIN Việt Nam	-	45.414.866.860
Công ty KCN Thăng Long II	31.374.428.668	75.128.391.117
Công ty CP Tập đoàn Phúc Sơn (**)	66.605.845.456	72.576.993.256
Công ty TNHH Công nghệ vật liệu mới HMT	67.901.147.273	-
Tổng Công ty Licogi - CTCP	30.168.170.915	30.748.940.915
Phải thu các đối tượng khác	536.472.612.799	706.050.338.142
Tổng	895.843.399.178	1.093.240.724.357

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 7.1)

36.983.166.442

80.878.509.143

(*) Công nợ với Công ty CP Tập đoàn ĐTPT Công nghiệp TTP liên quan tiền quyết toán khối lượng công trình Bãi Tử Long phát sinh, hiện tại 2 bên đang hoàn thiện hồ sơ để thanh toán công nợ, có đối chiếu công nợ giữa 2 bên.

(**) Công ty đã trích lập dự phòng 100% khoản công nợ phải thu của Công trình nút giao Ngọc Hội tỉnh Khánh Hòa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	358.071.761.181	241.840.308.171
Công ty TNHH MTV XD&TM Hải Long	66.914.543.439	41.965.737.086
Công ty CP Đầu tư & XD Phúc Thiên Lộc	4.403.384.460	21.456.929.213
Cty CP TM & xây dựng SQS 18	49.921.540.968	28.639.616.155
Tổng Công ty Licogi - CTCF	16.451.468.000	16.728.650.000
Công ty TNHH ĐTXD Tân Hải Dương	13.199.865.779	14.851.244.340
Trả trước các nhà cung cấp khác	207.180.958.535	118.198.131.377
Tổng	358.071.761.181	241.840.308.171
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>16.451.468.000</i>	<i>16.728.650.000</i>

5.5 PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	155.424.755.675	22.947.925.189	107.831.328.921	22.947.925.189
Công ty Cổ phần TB CN Maksteel	17.307.024.457	17.307.024.457	17.307.024.457	17.307.024.457
Công ty CP Sản xuất VLXD Kim Sơn	5.640.900.732	5.640.900.732	5.640.900.732	5.640.900.732
Công ty TNHH XD du lịch Mạnh Đạt	25.158.627.150	-	25.158.627.150	-
Tạm ứng	61.981.798.652	-	44.316.213.867	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.154.524.625	-	4.492.080.000	-
Phải thu khác	33.181.880.059	-	10.916.482.715	-
Dài hạn	32.000.000	-	53.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	32.000.000	-	53.000.000	-
Tổng	155.456.755.675	22.947.925.189	107.884.328.921	22.947.925.189
<i>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.003.539.688</i>	<i>-</i>

- (i) Công ty cho Công ty TNHH XD Du lịch Mạnh Đạt vay vốn theo hợp đồng vay vốn có điều kiện số 02/2014/HĐVV-L18 ngày 15/08/2014: Hai bên đã có biên bản thống nhất quy đổi sang lấy 7.200M2 đất kinh doanh. Dự án đang chờ phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết cụ thể 1/500 với dự án chung Khu đô thị vệ tinh Hòa Lạc.
- (ii) Công nợ bao gồm cả gốc và lãi vay lũy kế, mà công ty đã hỗ trợ cho Công ty cho Công ty CP Sản Xuất Vật Liệu xây dựng Kim Sơn vay để phục vụ sản xuất kinh doanh. Ngày 08/07/2024 Công ty có ký hợp đồng mua bán số: 01/HĐMB/L18-TT về việc mua bán gạch đặc phục vụ công trình, trong đó nêu rõ Cty Kim Sơn là bên có liên quan và có trách nhiệm thanh toán 40% giá trị hàng hóa cho bên bán. Giá trị này sẽ được các bên lập biên bản đối trừ công nợ và hạch toán theo quy định của Pháp luật.
- (iii) Công ty CP Thiết bị Công Nghiệp Maksteel vay vốn bổ sung vốn lưu động với mục đích chi trả các khoản chi phí thực hiện công trình mà Công ty và Công ty CP thiết bị Công nghiệp Maksteel cùng thực hiện. Công ty đã khởi kiện Công ty Maksteek và đã được tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên tuyên bố thắng kiện. Ngày 19/6/2024, các bên đã ký biên bản về thỏa thuận thi hành án.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.6 NỢ XẤU

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	186.983.070.075	12.134.486.854	104.359.690.662	655.815.047
<i>Trong đó số đã dự phòng:</i>				Quá hạn trên 3 năm
Nhà máy đóng tàu Hải Dương (Vinashin)				24.737.238.000
Tiền bê tông CT Bắc hà - Cty LICOGI 20				5.100.675.805
Công ty CP SX VLXD Kim Sơn				5.640.900.732
Công ty CP thiết bị CN Maksteel				17.307.024.457
Công ty CP Tập đoàn Phúc Sơn				66.605.845.456
Công ty CP Công nghệ thông tin và Xây dựng Nam Triệu				12.404.873.082
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Nam Triệu				12.121.442.775
Các đối tượng khác				43.065.069.768
Tổng				186.983.070.075

5.7 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.525.578.831	-	1.355.573.953	-
Công cụ, dụng cụ	28.631.858	-	54.131.858	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	2.491.706.445.269	-	2.641.530.301.262	-
Thành phẩm (**)	488.450.181.388	-	680.179.377.617	-
Tổng	2.982.710.837.346	-	3.323.119.384.690	-

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí dở dang các Dự án Bất động sản	1.936.158.387.811	1.997.195.466.127
Các công trình xây dựng dở dang khác	555.548.057.458	644.334.835.135
Tổng	2.491.706.445.269	2.641.530.301.262

(**) Giá trị các sản phẩm được cấp phép mở bán tại Dự án Nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp tại Phường Ái Quốc, Thành phố Hải Dương và Dự án Khu đô thị mới Bắc Cầu Hàn (Phân kỳ 1 - Giai đoạn 1).

5.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	1.016.615.382	1.099.451.396
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.016.615.382	1.099.451.396
Dài hạn	35.340.376.855	22.609.900.527
Chi phí Công cụ, dụng cụ & khác chờ phân bổ	35.340.376.855	22.609.900.527
Tổng	36.356.992.237	23.709.351.923

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2024 VND	Số phát sinh tăng trong kỳ VND	Số phát giảm trong kỳ VND	30/06/2024 VND
Các loại thuế khác	-	261.786.000	33.300.000	228.486.000
Tổng	-	261.786.000	33.300.000	228.486.000

5.10 TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Trạm bê tông Xuân Giao	342.047.650	339.601.047
Thi công xưởng cơ khí	211.361.018	3.610.669.700
Đầu tư, mua sắm TSCĐ	1.163.038.745	138.619.745
Tổng	1.716.447.413	4.088.890.492

197
TY
H
ÁN
NAM
21-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18
Số 471 - đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.11 TẶNG GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nội dung	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
						Tổng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	283.734.247.955	284.631.620.217	154.497.885.947	2.513.738.443		725.377.492.562
Tăng trong kỳ	-	13.535.136.032	2.662.789.454	129.027.273		16.326.952.759
Mua mới trong kỳ	-	13.535.136.032	2.662.789.454	129.027.273		16.326.952.759
Giảm trong kỳ	-	-	-	138.181.819		138.181.819
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	138.181.819		138.181.819
Tại ngày 30/06/2024	283.734.247.955	298.166.756.249	157.160.675.401	2.504.583.897		741.566.263.502
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	68.000.700.652	185.077.741.334	142.897.779.724	1.869.122.983		397.845.344.693
Tăng trong kỳ	6.906.798.483	8.672.466.760	3.033.004.190	169.031.124		18.781.300.557
Khấu hao trong kỳ	6.906.798.483	8.672.466.760	3.033.004.190	169.031.124		18.781.300.557
Giảm trong kỳ	-	-	-	138.181.819		138.181.819
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	138.181.819		138.181.819
Tại ngày 30/06/2024	74.907.499.135	193.750.208.094	145.930.783.914	1.899.972.288		416.488.463.431
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	215.733.547.303	99.553.878.883	11.600.106.223	644.615.460		327.532.147.869
Tại ngày 30/06/2024	208.826.748.820	104.416.548.155	11.229.891.487	604.611.609		325.077.800.071

Giá trị còn lại của TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 30/06/2024 là 98.178.469.138 VND (tại 01/01/2024 là 105.786.704.208 VND).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2024 là 224.951.574.539 VND (tại 01/01/2024 là: 224.222.976.017 VND).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.12 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2024	7.175.666.666	5.222.690.908	12.398.357.574
Tăng trong kỳ	3.793.550.000	2.478.825.926	6.272.375.926
Thuê tài chính trong kỳ	3.793.550.000	2.478.825.926	6.272.375.926
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2024	10.969.216.666	7.701.516.834	18.670.733.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2024	813.753.847	857.984.060	1.671.737.907
Tăng trong kỳ	375.435.179	697.878.637	1.073.313.816
Khấu hao trong kỳ	375.435.179	697.878.637	1.073.313.816
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2024	1.189.189.026	1.555.862.697	2.745.051.723
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2024	6.361.912.819	4.364.706.848	10.726.619.667
Tại ngày 30/06/2024	9.780.027.640	6.145.654.137	15.925.681.777

5.13 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2024	1.336.925.674	1.041.666.667	79.690.000	2.458.282.341
Tăng trong kỳ	-	-	66.150.000	66.150.000
Mua trong kỳ	-	-	66.150.000	66.150.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2024	1.336.925.674	1.041.666.667	145.840.000	2.524.432.341
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2024	-	540.725.308	42.982.231	583.707.539
Tăng trong kỳ	-	27.083.333	57.215.537	84.298.870
Khấu hao trong kỳ	-	27.083.333	57.215.537	84.298.870
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2024	-	567.808.641	100.197.768	668.006.409
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	1.336.925.674	500.941.359	36.707.769	1.874.574.802
Tại ngày 30/06/2024	1.336.925.674	473.858.026	45.642.232	1.856.425.932

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 500.000.000 VND (ngày 01/01/2024: 500.000.000 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ (%)	30/06/2024		01/01/2024				
		Góp vốn	Biểu quyết	Giá trị khoản đầu tư theo PP VCSH VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết								
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18.7	36,65%	36,65%		66.040.523.490	(*)	(4.720.394.511)	63.832.947.437	(1.056.820.679)
Công ty CP Thủy điện Hua Chăng tỉnh Lai Châu (1)	20,00%	20,00%		11.040.523.490	(*)	-	8.832.947.437	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm So 1 (2)	30,00%	30,00%		19.000.000.000	(*)	(2.901.522.141)	19.000.000.000	(1.056.820.679)
				36.000.000.000	(*)	(1.818.872.370)	36.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác				30.355.000.000		(487.287.221)	2.655.000.000	(789.726.768)
Công ty CP BOT Quốc lộ 2 (3)	2,92%	2,92%		455.000.000	(*)	-	455.000.000	-
Công ty Du lịch Hồng Lĩnh (4)	3,67%	3,67%		2.200.000.000	(*)	(487.287.221)	2.200.000.000	(789.726.768)
Công ty CP Phát triển Tùng Lâm	4,01%	4,01%		27.700.000.000	(*)	-	-	-
Tổng				96.395.523.490		(5.207.681.732)	66.487.947.437	(1.846.547.447)

(1) Khoản đầu tư của công ty con và Công ty CP Thủy điện Hua Chăng tỉnh Lai Châu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6200061949 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp, vốn điều lệ 90 tỷ VND. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện, xây dựng nhà các loại, lắp đặt hệ thống điện. Công ty thực hiện đầu tư 19 tỷ VND trên tổng số vốn là 90 tỷ VND trong ứng tỷ lệ sở hữu của Công ty con với tỷ lệ 21,10%.

(2) Khoản đầu tư của Công ty con vào Công ty CP Thủy điện Nậm So được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6200098378 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp, vốn điều lệ 120 tỷ VND; Hoạt động chính là sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Công ty con thực hiện đầu tư 36 tỷ VND trên tổng số vốn là 120 tỷ VND trong ứng với tỷ lệ 30%.

(3) Là khoản góp vốn với Công ty CP BOT Quốc lộ 2, Công ty thu lợi nhuận trong 9 năm đầu. Hiện tại Công ty đang thực hiện thoái vốn cho các cổ đông theo quy định của hợp đồng góp vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18
Số 471 - đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024.

5.14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

(4) Công ty CP Đầu tư và Phát triển Du lịch Hồng Lĩnh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2803000539 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp, vốn điều lệ 60 tỷ VND; hoạt động chính là đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông vận tải; lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ khách du lịch.

(5) Khoản đầu tư do gán trừ Công nợ vào Công ty CP Phát triển Tùng Lâm theo GCN Đăng ký doanh nghiệp số 5700372683, vốn điều lệ 690,17 tỷ đồng.

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày 30/6/2024 của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	729.000.188.676	729.000.188.676	736.915.353.704	736.915.353.704
Công ty CPĐT và XD số 18.7	47.568.773.705	47.568.773.705	63.060.289.051	63.060.289.051
Công ty TNHH TM Hải Long	61.316.290.786	61.316.290.786	16.573.347.384	16.573.347.384
Công ty Phúc Khánh	50.095.397.430	50.095.397.430	11.463.784.111	11.463.784.111
Công ty CP TM XD Hưng Thịnh	13.763.230.949	13.763.230.949	18.013.707.499	18.013.707.499
Các đối tượng khác	556.256.495.806	556.256.495.806	627.804.225.659	627.804.225.659
Tổng	729.000.188.676	729.000.188.676	736.915.353.704	736.915.353.704
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>47.568.773.705</i>	<i>47.568.773.705</i>	<i>63.060.289.051</i>	<i>63.060.289.051</i>

5.16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.039.529.638.210	861.588.111.888
Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc	87.441.417.549	106.712.654.291
BQLDA Đầu tư xây dựng cơ bản Tỉnh Vĩnh Phúc	54.235.085.000	56.049.885.000
BQLDA Đầu tư xây dựng cơ bản Tỉnh Hải Dương	64.691.222.000	130.645.416.000
Công ty TNHH Công nghệ Johnson Health Việt Nam	-	36.150.000.000
Công ty KCN Thăng Long II	-	93.402.849.702
Công ty TNHH Công nghệ vật liệu mới HMT	-	43.892.933.717
BQLDA ĐTXD CCTGTTQN	87.717.086.000	97.395.382.000
Các đối tượng khác	745.444.827.661	297.338.991.178
Tổng	1.039.529.638.210	861.588.111.888
<i>Trong đó: Người mua trả trước là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>87.441.417.549</i>	<i>106.712.654.291</i>

5.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phát sinh tăng trong kỳ	Số phát giảm trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	1.158.949.989	101.934.754.670	83.688.789.914	19.404.914.745
Thuế TNDN	11.848.374.440	23.991.665.299	20.362.062.959	15.477.976.780
Thuế TNCN	1.430.679.114	2.311.248.758	2.938.162.895	803.764.977
Tiền đất, tiền sử dụng đất	923.089.956.483	3.693.093.836	811.782.781.997	115.000.268.322
Các loại thuế khác	-	1.170.648.497	1.170.648.497	-
Tổng	937.527.960.026	133.101.411.060	919.942.446.262	150.686.924.824

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	16.160.886.203	45.836.433.270
Chi phí trích trước cho công trình	7.437.550.740	39.012.260.718
Chi phí lãi vay và chi phí phải trả khác	8.723.335.463	6.824.172.552
Tổng	16.160.886.203	45.836.433.270

5.19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.107.387.000	552.880.000
Doanh thu cho thuê kho xưởng nhận trước	1.107.387.000	552.880.000
Tổng	1.107.387.000	552.880.000

5.20 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	253.345.733.188	177.545.722.059
Kinh phí công đoàn	1.650.202.669	1.631.225.472
Bảo hiểm xã hội	597.958.802	-
Bảo hiểm y tế	166.319.393	-
Bảo hiểm thất nghiệp	74.335.730	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	163.435.458.987	76.802.667.060
Các khoản phải trả, phải nộp khác	87.421.457.607	99.111.829.527
Dài hạn	220.000.000	820.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	220.000.000	820.000.000
Tổng	253.565.733.188	178.365.722.059

5.21 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	63.183.872.891	51.709.084.080
Dự phòng bảo hành Công trình xây dựng	63.183.872.891	51.709.084.080
Dài hạn	62.556.238.731	57.512.158.254
Dự phòng bảo hành Công trình xây dựng	62.556.238.731	57.512.158.254
Tổng	125.740.111.622	109.221.242.334

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18
Số 471 - đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.22 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND
01/01/2024

30/06/2024

Trong kỳ

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.142.645.925.537	1.142.645.925.537	1.150.386.440.361	1.242.211.550.693	1.234.471.035.869	1.234.471.035.869
NH TMCP ĐT & PT VN - CN Bắc Hải Dương (1)	93.572.745.470	93.572.745.470	82.542.595.742	86.898.930.253	97.929.079.981	97.929.079.981
NH TMCP ĐT & PT VN - CN Quang Minh (2)	147.493.222.637	147.493.222.637	94.520.718.991	123.263.853.627	176.236.357.273	176.236.357.273
NH TMCP ĐT & PT VN - CN Quang Minh (Cty 18.6)	20.002.364.347	20.002.364.347	16.088.081.250	25.615.815.751	29.530.098.848	29.530.098.848
NH TMCP ĐT & PT VN - CN Hưng Yên	255.283.663.241	255.283.663.241	590.824.207.379	602.215.056.936	266.674.512.798	266.674.512.798
NH TMCP Công thương VN - CN Ưông Bí (3)	144.905.648.809	144.905.648.809	55.165.177.809	81.089.111.222	170.829.582.222	170.829.582.222
NH TMCP ĐT & PT VN - CN Hạ Long	61.257.893.631	61.257.893.631	41.642.639.269	34.651.381.189	54.266.635.551	54.266.635.551
NH TMCP Quân đội - CN Hưng Yên	134.077.161.920	134.077.161.920	152.277.161.920	203.197.225.112	184.997.225.112	184.997.225.112
NH TMCP ĐT và PT VN - CN Cầu Giấy	4.459.488.000	4.459.488.000	4.459.488.000	3.212.849.723	3.212.849.723	3.212.849.723
NH TMCP Quân đội - CN Hồ Tây	4.200.000.000	4.200.000.000	-	-	4.200.000.000	4.200.000.000
NH Bảo Việt - CN Hạ Long	17.037.638.170	17.037.638.170	11.762.735.799	6.340.561.432	11.615.463.803	11.615.463.803
Vay đối tượng khác (4)	260.356.099.312	260.356.099.312	101.103.634.202	75.726.765.448	234.979.230.558	234.979.230.558
Vay dài hạn	816.710.144.998	816.710.144.998	495.970.144.998	385.103.935.418	705.843.935.418	705.843.935.418
NH TMCP ĐT & PT VN - CN Quang Minh (5)	516.000.000.000	516.000.000.000	411.000.000.000	297.766.530.013	402.766.530.013	402.766.530.013
NH TMCP Công thương VN - CN Ưông Bí	-	-	-	26.050.000.000	26.050.000.000	26.050.000.000
NH TMCP ĐT & PT VN - CN Hưng Yên	88.460.000.000	88.460.000.000	-	619.623.405	89.079.623.405	89.079.623.405
Công ty CP Hạ tầng Vĩnh Phúc (6)	60.900.000.000	60.900.000.000	-	12.300.000.000	73.200.000.000	73.200.000.000
Vay đối tượng khác (7)	151.350.144.998	151.350.144.998	84.970.144.998	48.367.782.000	114.747.782.000	114.747.782.000
Nợ thuế tài chính dài hạn	11.630.235.778	11.630.235.778	6.598.961.000	3.403.371.050	8.434.645.828	8.434.645.828
CT cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST (8)	11.630.235.778	11.630.235.778	6.598.961.000	3.403.371.050	8.434.645.828	8.434.645.828
Tổng	1.970.986.306.313	1.970.986.306.313	1.652.955.546.359	1.630.718.857.161	1.948.749.617.115	1.948.749.617.115
Trong đó: Vay và nợ thuế tài chính là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 7.1)	60.900.000.000	60.900.000.000	-	12.300.000.000	73.200.000.000	73.200.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.22 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuyết minh thông tin một số hợp đồng tín dụng chính:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2023/219063/HĐTD ngày 25/08/2023: Hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 300 tỷ đồng. Trong đó, hạn mức cho vay và bảo lãnh thanh toán là 100 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh khác là 200 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 25/08/2024. Thời hạn cho vay xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất cho vay được xác định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp bảo đảm tiền vay: Thực hiện theo các Hợp đồng đảm bảo được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/219063/HĐTD ngày 25/08/2023. Hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 700 tỷ đồng. Trong đó: Hạn mức cho vay ngân hàng, bảo lãnh thanh toán là 200 tỷ đồng, hạn mức phát hành bảo lãnh là 500 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động thi công xây lắp của khách hàng. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 25/08/2024. Thời hạn cho vay xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất cho vay được xác định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp bảo đảm tiền vay: thực hiện theo các Hợp đồng đảm bảo được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này.
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT304-18 ngày 24/10/2023. Hạn mức cho vay tại mọi thời điểm không vượt quá 20 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức: từ ngày 24/10/2023 đến hết ngày 24/10/2024. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay được xác định trên từng Giấy nhận nợ cụ thể. Biện pháp bảo đảm tiền vay: thực hiện theo các Hợp đồng đảm bảo được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này.
- Các khoản vay vốn của cá nhân ngân hàng với lãi suất dao động từ 5% đến 7,5%/năm, mục đích vay để đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị mới Bắc Cầu Hàn, không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay cá nhân ngắn hạn có kỳ hạn từ 3 tháng đến 9 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2023/219063/HĐTDDA ngày 29/12//2023. Số tiền vay tối đa: 516 tỷ đồng. Mục đích vay: cho vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ để thực hiện Dự án: Khu đô thị mới Bắc Cầu Hàn giai đoạn 1 - phân kỳ 2, không bao gồm lãi vay trong thời gian thi công và chi phí bồi thường đền bù giải phóng mặt bằng được tính trong tổng mức đầu tư Dự án. Thời hạn cho vay 60 tháng, ân hạn đối với khoản vay là 12 tháng. Lãi suất đầu tiên là 7,8%/năm, sau đó lãi suất cho vay được Bên cho vay xác định và thông báo cho Bên vay định kỳ 6 tháng/lần vào ngày 01 tháng 07 hàng năm theo thông báo lãi suất của Bên cho vay. Biện pháp đảm bảo: theo hợp đồng thế chấp động sản, và quyền tài sản và hợp đồng thế chấp bất động sản hình thành trong tương lai đã được công chứng và đăng ký với Cơ quan Đăng ký Giao dịch đảm bảo và Cơ quan Đăng ký Đất đai (nếu đủ điều kiện).
- Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/VPID/-L18 ngày 15/12/2019 kèm Phụ lục hợp đồng vay vốn số: 01/2024/HĐVV/VPID-L18 ngày 11/3/2024. Tổng số tiền vay: 73,2 tỷ đồng, trong đó áp dụng lãi suất 7,8% cho số tiền vay 36 tỷ đồng và lãi suất 5% cho số tiền vay 24,9 tỷ đồng, số tiền còn lại 12,3 tỷ đồng được trả ngay sau khi ký phụ lục hợp đồng.
- Các khoản vay vốn của cá nhân dài hạn với lãi suất cho vay dao động từ 7,5%/năm đến 9,5%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh và đầu tư thực hiện dự án KĐT Bắc Cầu Hàn, không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay cá nhân dài hạn có kỳ hạn từ 2-5 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.22 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(8) Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV – SUMI TRUST, phát sinh các hợp đồng cho thuê tài chính sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 21721000409/HĐCCTC ngày 24/12/2021. Tài sản cho thuê: 02 xe ô tô tải tự đổ (mới 100%) hiệu HONGYAN có giá mỗi xe là 1.440.000.000 VND. Số tiền cho thuê: 2.880.000.000 đồng. Mục đích: Phục vụ hoạt động vận tải. Thời hạn thuê: 48 tháng. Lãi suất thuê: 7,5%/năm trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 3 tháng/lần.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000409/HĐCCTC ngày 28/09/2022. Tài sản cho thuê: 03 máy lu rung (mới 100%) hiệu SAKAI, có giá mỗi xe là 1.860.000.000 VND. Số tiền cho thuê: 5.580.000.000 đồng. Mục đích: Phục vụ hoạt động vận tải. Thời hạn thuê: 48 tháng. Lãi suất thuê: 8,4%/năm trong thời gian 03 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 3 tháng/lần.
- Hợp đồng thuê tài chính số 21723000169/HĐCCTC ngày 28/04/2023. Tài sản cho thuê: 02 xe tải ben 6x4 – thùng vuông hãng CNHTC/HOWO, có giá mỗi xe là 1.370.000.000 VND. Số tiền cho thuê: 2.740.000.000 đồng. Mục đích: đầu tư mới, phục vụ cho hoạt động kinh doanh chính thi công công trình. Thời hạn thuê 48 tháng. Lãi suất thuê: 7,2%/năm trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 3 tháng/lần.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 21723000674/HĐCCTC ngày 05/12/2023. Tài sản cho thuê: Ô tô bơm bê tông. Số tiền cho thuê: 2.096.000.000 đồng. Mục đích: Phục vụ công trình xây dựng. Thời hạn thuê: 48 tháng. Lãi suất thuê: Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 3 tháng/lần.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 21723000686/HĐCCTC ngày 11/12/2023. Tài sản cho thuê: Bộ xe lao dầm. Số tiền cho thuê: 2.009.000.000 đồng. Mục đích: Phục vụ công trình xây dựng. Thời hạn thuê: 48 tháng. Lãi suất thuê: Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 3 tháng/lần.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 21724000023/HĐCCTC ngày 17/01/2024. Tài sản cho thuê: Máy khoan đập cáp. Số tiền cho thuê: 1.883.968.800 đồng. Mục đích: Phục vụ công trình xây dựng. Thời hạn thuê: 48 tháng. Lãi suất thuê: Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 3 tháng/lần.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 21723000247/HĐCCTC ngày 06/05/2024. Tài sản cho thuê: Cổng trục long môn. Số tiền cho thuê: 1.050.000.000 đồng. Mục đích: Phục vụ công trình xây dựng. Thời hạn thuê: 48 tháng. Lãi suất thuê: Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 3 tháng/lần.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.23 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	381.165.280.000	14.355.118.182	37.856.812.865	64.642.044.163	120.629.879.762	618.649.134.972
Tăng trong năm	-	-	247.006.440	42.062.091.944	15.238.777.289	57.547.875.673
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	42.062.091.944	15.238.777.289	57.300.869.233
Tăng trích quỹ	-	-	247.006.440	-	-	247.006.440
Giảm trong năm	-	-	-	(59.950.120.253)	(14.374.068.394)	(74.324.188.647)
Trích quỹ	-	-	-	(2.775.328.253)	(2.197.568.394)	(4.972.896.647)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(57.174.792.000)	(12.176.500.000)	(69.351.292.000)
Số dư tại 31/12/2023	381.165.280.000	14.355.118.182	38.103.819.305	46.754.015.854	121.494.588.657	601.872.821.998
Số dư tại 01/01/2024	381.165.280.000	14.355.118.182	38.103.819.305	46.754.015.854	121.494.588.657	601.872.821.998
Tăng trong kỳ	-	-	465.909.171	20.917.585.620	13.855.134.752	35.238.629.543
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	7.350.000.000	7.350.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	20.917.585.620	6.505.134.752	27.422.720.372
Trích quỹ ĐT PT	-	-	465.909.171	-	-	465.909.171
Giảm trong kỳ	-	-	-	(2.431.966.893)	(17.289.907.265)	(19.721.874.158)
Giảm do trích quỹ KTPL (*)	-	-	-	(2.431.966.893)	(4.451.907.265)	(6.883.874.158)
Chia cổ tức 2023	-	-	-	-	(12.838.000.000)	(12.838.000.000)
tại các Công ty con	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2024	381.165.280.000	14.355.118.182	38.569.728.476	65.239.634.581	118.059.816.144	617.389.577.383

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.23 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(*) Nghị quyết số 31/NQ-ĐHĐCĐ-L18 ngày 24/4/2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng số tiền: 1.702.376.825 VND
- Trích Quỹ phúc lợi số tiền: 729.590.068 VND
- Chi trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông: 10%/Vốn điều lệ bằng tiền mặt số tiền: 38.116.528.000 VND với ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 11/07/2024 và đã thanh toán cổ tức ngày 26/07/2024.

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã ghi nhận	
				30/06/2024	01/01/2024
				VND	VND
Ông Bùi Thanh Tuyên	19.300.390	193.003.900.000	50,64	193.003.900.000	193.003.900.000
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	3.441.390	34.413.900.000	9,03	34.413.900.000	34.413.900.000
Các Cổ đông khác	15.374.748	153.747.480.000	40,34	153.747.480.000	153.747.480.000
Tổng	38.116.528	381.165.280.000	100	381.165.280.000	381.165.280.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	381.165.280.000	381.165.280.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	381.165.280.000	381.165.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	(59.950.120.253)

d) Cổ phiếu

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.116.528	38.116.528
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.116.528	38.116.528
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38.116.528</i>	<i>38.116.528</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.116.528	38.116.528
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38.116.528</i>	<i>38.116.528</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	38.569.728.476	38.103.819.305

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

a) Ngoại tệ các loại

	30/06/2024	01/01/2024
Ngoại tệ (USD)	1.433,09	1.446,29

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	22.574.996.764	22.574.996.764

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Doanh thu hoạt động Xây dựng	1.633.455.477.661	1.244.534.418.111
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ	27.363.636.060	24.074.524.649
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	495.031.555.339	-
Tổng	2.155.850.669.060	1.268.608.942.760
<i>Trong đó: Doanh thu các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>19.075.730.624</i>	<i>-</i>

6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	1.557.482.371.634	1.169.966.106.409
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ	22.419.042.269	22.022.423.216
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	327.026.147.430	-
Tổng	1.906.927.561.333	1.191.988.529.625

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

6.3 DOANH THU CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	610.938.515	3.149.898.658
Tổng	610.938.515	3.149.898.658
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	24.193.581.771	28.676.079.001
Chi phí lãi vay KĐT Cầu Hàn (Phân kỳ 1)	15.376.841.234	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	7.028.442.356	394.169.871
Tổng	46.598.865.361	29.070.248.872
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	(45.987.926.846)	(25.920.350.214)

6.4 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Chi phí bán hàng	18.228.558.197	-
Chi phí nhân viên	1.749.848.897	-
Chi phí vật liệu, bao bì	4.871.635	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.844.749	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.414.518.968	-
Chi phí bằng tiền khác	8.024.473.948	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	119.679.880.214	35.364.864.992
Chi phí nhân viên quản lý	29.102.952.966	22.288.280.501
Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	3.561.745.008	2.955.488.624
Chi phí khấu hao	2.437.034.485	2.279.721.533
Thuế và lệ phí	1.222.723.537	913.696.123
Chi phí dự phòng	71.984.707.606	(792.695.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.467.722.221	1.792.756.305
Chi phí bằng tiền khác	8.902.994.391	5.927.616.906
Tổng	137.908.438.411	35.364.864.992

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

6.5 THU NHẬP KHÁC / CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Thu nhập khác		
Thu tiền nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	183.772.728
Hoàn nhập dự phòng bảo hành Công trình	4.020.866.050	4.500.000.000
Các khoản khác	49.560.284	219.614.361
Tổng	4.070.426.334	4.903.387.089
Chi phí khác		
Các khoản phạt và lãi chậm nộp	17.570.403.239	32.029.636
Chi phí khác	308.297.638	458.148.263
Tổng	17.878.700.877	490.177.899
Lãi (lỗ) hoạt động khác	(13.808.274.543)	4.413.209.190

6.6 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Chi phí thuế TNDN với thuế suất 20%	23.991.665.299	4.959.745.322
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	11.658.309	11.658.309
Tổng chi phí thuế TNDN	24.003.323.608	4.971.403.631

6.7 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	20.917.585.620	9.006.658.173
Lợi nhuận trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.215.983.447)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	20.917.585.620	7.790.674.727
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	38.116.528	38.116.528
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	549	204

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

6.7 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng người quản lý. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu theo số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2024. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày trên báo cáo kỳ trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	9.006.658.173	9.006.658.173	-
Số dư trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý	-	(1.215.983.447)	(1.215.983.447)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.006.658.173	7.790.674.727	(1.215.983.447)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	38.116.528	38.116.528	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	236	204	(32)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách bên liên quan của Công ty

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	Cổ đông lớn
Công ty CPĐT và XD số 18.7	Công ty liên kết
Tổng Công ty Licogi - CTC	Công ty góp vốn
Công ty CP Thủy điện Nậm So 1	Công ty liên kết
Công ty CP Thủy điện Hua Chăng tỉnh Lai Châu	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Tuyên	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Việt Dũng	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Văn Giang	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Chung	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Xinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (chuyển công tác từ 15/08/2024)
Ông Đặng Long Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Bá Thái	Trưởng BKS
Ông Bùi Công Phách	Thành viên BKS
Bà Thân Thị Len	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 24/04/2024)
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Thành viên BKS
Bà Bùi Thị Thuần	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 24/04/2024)
Bà Vũ Thị Thu Thủy	Thư ký HĐQT, QTCT
Bà Đỗ Thị Nhung	Kế toán trưởng/ Người CBTT
Và các Cổ đông, cá nhân thân cận trong gia đình của các bên liên quan.	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

a) Giao dịch các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/06/2024 VND	kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Lãi cho vay			-	24.312.328
Công ty CPĐT và XD số 18.7	Công ty liên kết	Lãi cho vay	-	24.312.328
Các khoản trả nợ gốc vay			12.300.000.000	-
Công ty CP Hạ tầng Vĩnh Phúc	Công ty góp vốn	Trả gốc vay dài hạn	12.300.000.000	-
Thuê thiết bị, văn phòng			274.837.310	588.188.789
Công ty CPĐT và XD số 18.7	Công ty liên kết	Thuê văn phòng, điện nước, thuê đất	274.837.310	588.188.789
Trả lãi vay			-	184.471.232
Công ty CP Thủy điện Nậm So 1	Công ty liên kết	Lãi vay		184.471.232
Bán bất động sản			19.075.730.624	-
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	Cổ đông	Bán bất động sản	13.450.991.782	-
Ông Đặng Văn Giang	Thành viên HĐQT	Bán bất động sản	3.781.511.035	-
Ông Nguyễn Ngọc Chung	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	Bán bất động sản	1.843.227.807	-

b) Số dư các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	30/06/2024	01/01/2024
		VND	VND
Phải thu khách hàng		36.983.166.442	80.878.509.143
Ông Trịnh Việt Dũng	Phải thu khách hàng	-	4.589.839.870
Bà Đỗ Thị Nhung	Phải thu khách hàng	192.966.000	1.658.966.000
Ông Đặng Long Diệp	Phải thu khách hàng	-	3.640.682.000
Ông Đặng Văn Giang	Phải thu khách hàng	19.753.500	3.690.389.000
Ông Lưu Bá Thái	Phải thu khách hàng	-	807.640.000
Ông Ngô Văn Nam	Phải thu khách hàng	204.922.410	3.898.448.200
Ông Phùng Văn Thanh	Phải thu khách hàng	-	3.723.252.000
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Phải thu khách hàng	-	4.073.321.000
Ông Dương Quốc Khánh	Phải thu khách hàng	-	4.071.154.000
Ông Nguyễn Ngọc Chung	Phải thu khách hàng	97.733.950	-
Công ty cổ phần phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	Phải thu khách hàng	-	12.782.684.089
Tổng Công ty Licogi CTCP	Phải thu khách hàng	31.618.170.915	31.748.940.915
Công ty CP Thủy điện Nậm so 1	Phải thu khách hàng	4.849.619.667	5.902.174.299
Công ty CP ĐT & XD số 18.7	Phải thu khách hàng	-	291.017.770
Trả trước cho người bán		16.451.468.000	16.728.650.000
Tổng Công ty Licogi CTCP	Trả trước cho người bán	16.451.468.000	16.728.650.000
Phải thu khác		-	1.003.539.688
Công ty CP ĐT & XD số 18.7	Phải thu khác	-	1.003.539.688
Phải trả người bán		47.568.773.705	63.060.289.051
Công ty CP ĐT & XD số 18.7	Phải trả người bán	47.568.773.705	63.060.289.051
Người mua trả tiền trước		87.441.417.549	106.712.654.291
Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc	Người mua trả tiền trước	87.441.417.549	106.712.654.291
Phải trả nợ vay dài hạn		60.900.000.000	73.200.000.000
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	Vay dài hạn	60.900.000.000	73.200.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c) Giao dịch nhân sự chủ chốt

Họ tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/06/2024	ngày 30/06/2023
		VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Chủ tịch	280.000.000	270.000.000
Ông Bùi Thanh Tuyên	Thành viên	70.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Chung	Thành viên	70.000.000	60.000.000
Ông Đặng Văn Giang	Thành viên	70.000.000	60.000.000
Ông Trịnh Việt Dũng	Thành viên	70.000.000	60.000.000
Bà Vũ Thị Thu Thủy	Thư ký	12.000.000	-
Tổng		572.000.000	510.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát			
Ông Lưu Bá Thái	Trưởng BKS	172.000.000	168.000.000
Bà Thân Thị Len	Nguyên Thành viên BKS	48.000.000	72.000.000
Ông Bùi Công Phách	Thành viên BKS	78.000.000	72.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Thành viên BKS	64.000.000	60.000.000
Bà Bùi Thị Thuần	Thành viên BKS	30.000.000	-
Tổng		392.000.000	372.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Ông Bùi Thanh Tuyên	Tổng Giám đốc	279.960.000	279.780.000
Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	240.120.000	239.940.000
Ông Nguyễn Ngọc Chung	Phó Tổng Giám đốc	219.270.000	214.002.000
Ông Dương Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	273.822.000	273.642.000
Ông Hà Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	274.182.000	283.221.000
Ông Ngô Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	243.000.000	266.820.000
Ông Đặng Long Diệp	Phó Tổng Giám đốc	243.720.000	244.080.000
Bà Nguyễn Thị Kim Xinh	Phó Tổng Giám đốc	244.800.000	244.620.000
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Phó Tổng Giám đốc	66.000.000	65.820.000
Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	239.760.000	239.580.000
Ông Nguyễn Minh Thi	Phó Tổng Giám đốc	239.760.000	39.930.000
Bà Đỗ Thị Nhung	Kế toán trưởng, người CBTT	218.520.000	218.340.000
Tổng		2.782.914.000	2.609.775.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

7.2 Báo cáo bộ phận

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Hoạt động Xây dựng; Hoạt động kinh doanh bất động sản; Hoạt động trao đổi sản phẩm, hàng hóa, thí nghiệm.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu hoạt động xây dựng	Doanh thu kinh doanh BĐS	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	27.363.636.060	1.633.455.477.661	495.031.555.339	2.155.850.669.060
Chi phí bộ phận	22.419.042.269	1.557.482.371.634	327.026.147.430	1.906.927.561.333
Kết quả kinh doanh bộ phận	4.944.593.791	75.973.106.027	168.005.407.909	248.923.107.727
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				137.908.438.411
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				111.014.669.316
Doanh thu hoạt động tài chính				610.938.515
Chi phí tài chính				46.598.865.361
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				207.576.053
Thu nhập khác				4.070.426.334
Chi phí khác				17.878.700.877
Thuế TNDN hiện hành				23.991.665.299
Thuế TNDN hoãn lại				11.658.309
Lợi nhuận sau thuế				27.422.720.372

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu hoạt động xây dựng	Doanh thu kinh doanh BĐS	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	24.074.524.649	1.244.534.418.111	-	1.268.608.942.760
Chi phí bộ phận	22.022.423.216	1.169.966.106.409	-	1.191.988.529.625
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.052.101.433	74.568.311.702	-	76.620.413.135
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				35.364.864.992
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				41.255.548.143
Doanh thu hoạt động tài chính				3.149.898.658
Chi phí tài chính				29.070.248.872
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				324.614.817
Thu nhập khác				4.903.387.089
Chi phí khác				490.177.899
Thuế TNDN hiện hành				4.959.745.322
Thuế TNDN hoãn lại				11.658.309
Lợi nhuận sau thuế				15.101.618.305

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2024

Người lập

Lê Thị Lương Thu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Nhung

Tổng Giám đốc



Bùi Thanh Tuyên



Số : 04/GTHN24-23/L18

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2024

"V/v: Giải trình KQKD HN 06 tháng/2024
so với 06 tháng/2023"

GIẢI TRÌNH
KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý vị cổ đông

- Tên tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18
- Mã CK: L18
- Địa chỉ trụ sở: Số 471, Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Theo số liệu trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất tại báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cổ phần ĐT và XD số 18 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	06 tháng/2024	06 tháng/2023	Chênh lệch
Tổng doanh thu và thu nhập	2.160.739,61	1.276.986,84	+883.752,77
Tổng chi phí	2.133.316,89	1.261.885,22	+871.431,67
Lợi nhuận sau thuế TNDN	27.422,72	15.101,62	+12.321,10

Lợi nhuận sau thuế TNDN 06 tháng đầu năm 2024 so 06 tháng đầu năm 2023 tăng 81,59% tương đương 12.321,1 triệu đồng nguyên nhân là do:

+ Tổng doanh thu và thu nhập 06 tháng đầu năm 2024 tăng 69,21% tương đương 883.752,77 triệu đồng so với 06 tháng đầu năm 2023.

+ Trong 06 tháng đầu năm 2024 Công ty có doanh thu từ hoạt động kinh doanh Bất động sản làm gia tăng mạnh lợi nhuận sau thuế so với 06 tháng đầu năm 2023.

Trên đây là giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế của Công ty CPĐT và XD số 18 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu Phòng TC-KT
- Lưu bộ phận CBTT

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Đỗ Thị Nhung

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/VBGT – Licogi18

“V/v: Đưa mã L18 ra khỏi diện bị cảnh báo”

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý vị cổ đông

- Tên tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.
- Mã CK: L18
- Địa chỉ trụ sở: Số 471, Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Ngày 09/04/2024 Công ty nhận được quyết định số 255/QĐ-SGDHN ban hành ngày 03/04/2024 về việc đưa vào diện cảnh báo đối với cổ phiếu L18 của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 do tổ chức kiểm toán có ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, Công ty chúng tôi xin giải trình việc khắc phục tình trạng trên như sau: Tổng giá trị dự phòng Công ty đã trích lập lũy kế hết Quý 2/2024 liên quan đến khoản công nợ phải thu của Công ty cổ phần tập đoàn Phúc Sơn là: **66.605.845.456 VNĐ**. Như vậy Công ty đã trích lập 100% số nợ phải thu của Công ty cổ phần Tập đoàn Phúc Sơn mà bên kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến sự kiện xảy ra tại Công ty CP Tập đoàn Phúc Sơn phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2023 tại BCTC hợp nhất năm 2023.

Tại báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo riêng giữa niên độ đã được soát xét, tổ chức kiểm toán đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần toàn phần đối với báo cáo tài chính.

Bằng công văn này, Công ty chúng tôi xin giải trình với Quý cơ quan, Quý vị cổ đông và đề nghị Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đưa mã L18 ra khỏi diện cảnh báo.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu Phòng TC-KT
- Lưu bộ phận CBTT

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Đỗ Thị Nhung